

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Chánh Văn phòng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 1. Thay thế cụm từ tại khoản 5 Điều 7 Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo

Thay thế cụm từ “Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc” bằng cụm từ “Trong thời gian 10 ngày” tại khoản 5 Điều 7.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số cụm từ, điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL, Thông tư số 13/2021/TT-BVHTTDL và Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL như sau:

“1. Hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành gồm:

a) Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành (trong trường hợp doanh nghiệp tự chấm dứt hoạt động, doanh nghiệp giải thể hoặc bị giải thể);

b) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành đã được cấp;

c) Quyết định giải thể hoặc Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định giải thể của tòa án theo quy định tại Điều 207 Luật Doanh nghiệp hoặc Quyết định của tòa án về việc mở thủ tục phá sản.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL như sau:

“a) Doanh nghiệp nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành đến cơ quan cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành.”.

3. Thay thế cụm từ “Trong thời hạn 05 ngày làm việc” bằng cụm từ “Trong thời hạn 02 ngày làm việc” tại điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL.

4. Thay thế cụm từ “Sau 30 ngày” bằng cụm từ “Sau 20 ngày” tại điểm a khoản 3 Điều 6 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Thông tư số 13/2021/TT-BVHTTDL.

5. Thay thế cụm từ “Trong thời hạn 10 ngày” bằng cụm từ “Trong thời hạn 05 ngày làm việc” tại khoản 3 Điều 17 Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL.

Điều 3. Thay thế cụm từ tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình

Thay thế cụm từ “Trong thời hạn năm (05) ngày” bằng cụm từ “Trong thời hạn 04 ngày” tại lời dẫn của khoản 4 Điều 6.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản, điều của Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Hồ sơ, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình

1. Cơ quan, tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ bản chính về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) bằng một trong các hình thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ Công quốc gia. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình tính, thành phố trực thuộc trung ương hoặc bộ, ngành. Đối với Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, văn bản đề nghị phải do người đứng đầu cơ quan ký;

b) Trường hợp thay đổi về tôn chỉ, mục đích hoạt động báo chí; tôn chỉ, mục đích kênh phát thanh, kênh truyền hình, cơ quan, tổ chức nộp tờ khai của tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình (Mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư này); báo cáo tình hình triển khai giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình kể từ ngày được cấp phép (Mẫu số 7 ban hành kèm theo Thông tư này); đề án của tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình thực hiện những nội dung thay đổi được cơ quan chủ quản phê duyệt (Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này).

c) Trường hợp thay đổi thời lượng phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh phát thanh, kênh truyền hình quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, cơ quan, tổ chức phải nộp báo cáo về nội dung đề nghị thay đổi (Mẫu số 8 ban hành kèm theo Thông tư này).

d) Trường hợp thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí; tên gọi cơ quan báo chí; địa điểm phát sóng; địa điểm trụ sở gắn với trung tâm tổng không chế; phương thức truyền dẫn, phát sóng, cơ quan, tổ chức phải nộp văn bản, giấy tờ hợp pháp có liên quan đến việc thực hiện những thay đổi tại điểm này.

e) Trường hợp thay đổi biểu tượng kênh phát thanh, kênh truyền hình, cơ quan, tổ chức phải có bản màu biểu tượng kênh phát thanh, kênh truyền hình có xác nhận của cơ quan chủ quản. Đối với Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, bản màu biểu tượng kênh phát thanh, kênh truyền hình phải do người đứng đầu cơ quan ký xác nhận.

2. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét cấp phép cho cơ quan, tổ chức. Trường hợp từ chối, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

3. Trong thời hạn xử lý cấp phép quy định tại khoản 2 Điều này, đối với hồ sơ chưa đáp ứng đủ điều kiện, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản thông báo cho cơ quan, tổ chức về việc bổ sung, giải trình, hoàn thiện hồ sơ.

4. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nộp hồ sơ bổ sung, giải trình cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) theo nội dung yêu cầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ghi trên văn bản thông báo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Kết thúc thời hạn nộp hồ sơ bổ sung quy định tại khoản 4 Điều này, cơ quan, tổ chức không nộp hồ sơ bổ sung, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) chấm dứt việc xử lý hồ sơ. Việc tiếp nhận hồ sơ sau khi hết hạn nộp bổ sung được xem xét như tiếp nhận hồ sơ mới.”.

2. Thay thế cụm từ “Trong thời hạn tối đa 90 (chín mươi) ngày” bằng cụm từ “Trong thời hạn tối đa 60 ngày” tại khoản 2 Điều 5.

3. Bãi bỏ điểm a khoản 1 và khoản 7 Điều 5, các Điều 7, Điều 8 và Điều 9.

Điều 5. Bãi bỏ khoản 4 và khoản 6 Điều 3 Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Taekwondo.

Điều 6. Bãi bỏ điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate.

Điều 7. Bãi bỏ khoản 4 và khoản 7 Điều 3 Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Judo.

Điều 8. Bãi bỏ một số cụm từ, điểm của Điều 3 Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lân Sư Rồng

1. Bãi bỏ điểm đ và e khoản 1 Điều 3.

2. Bãi bỏ cụm từ “đ và e” tại khoản 2 Điều 3.

Điều 9. Bãi bỏ điểm d và điểm e khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quyền anh.

Điều 10. Bãi bỏ một số cụm từ, điểm của Điều 3 Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Patin

1. Bãi bỏ điểm đ và e khoản 1 Điều 3.

2. Bãi bỏ cụm từ “đ và e” tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3.

Điều 11. Bãi bỏ khoản 4 và khoản 7 Điều 3 Thông tư số 29/2018/TT-BVHTDL ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Wushu.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2023/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu trong hoạt động đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan

1. Bổ sung khoản 1a vào trước khoản 1 tại Điều 3 như sau:

“1a. Phụ lục 1a: Mẫu tờ khai đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan

- a) Mẫu số 01: Tờ khai đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả.
- b) Mẫu số 02: Tờ khai đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan.
- c) Mẫu số 03: Tờ khai đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả.
- d) Mẫu số 04: Tờ khai đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan.”.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục 1a.

3. Bãi bỏ mục 5 của các mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BVHTTDL.

Điều 13. Bãi bỏ Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.

Điều 14. Bãi bỏ Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Golf.

Điều 15. Bãi bỏ Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Cầu lông.

Điều 16. Bãi bỏ Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Billards & Snooker.

Điều 17. Bãi bỏ Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng bàn.

Điều 18. Bãi bỏ Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Khiêu vũ thể thao.

Điều 19. Bãi bỏ Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thẩm mỹ.

Điều 20. Bãi bỏ Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thể hình và Fitness.

Điều 21. Bãi bỏ Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ đạo thể thao giải trí.

Điều 22. Bãi bỏ Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng đá.

Điều 23. Bãi bỏ Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quần vợt.

Điều 24. Bãi bỏ Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng ném.

Điều 25. Bãi bỏ Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng rổ.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ VHTTDL;
- Sở VHTTDL, Sở VHNT, Sở DL;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, PC, QC (200).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng

Phụ lục 1a

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Mẫu số 01	Tờ khai đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả
Mẫu số 02	Tờ khai đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan
Mẫu số 03	Tờ khai đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả
Mẫu số 04	Tờ khai đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Thông tin cấp lại

Số Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đã cấp:.....

Cấp ngày.....tháng.....năm.....

Tên tác phẩm:.....

Loại hình:.....

Tác giả:.....Quốc tịch:.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu:.....

Chủ sở hữu quyền tác giả:..... Quốc tịch.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (hoặc Số đăng ký doanh nghiệp/Quyết định/Giấy phép thành lập nếu là tổ chức):.....

Lý do cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả:

☐ Rách, hư hỏng Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả

☐ Mất Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả

2. Bên được ủy quyền nộp hồ sơ đăng ký (nếu có):

Họ và tên/Tên tổ chức:.....

Sinh ngày.....tháng.....năm.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (hoặc Số đăng ký doanh nghiệp/Quyết định/Giấy phép thành lập nếu là tổ chức):.....

Ngày cấp:.....tại:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Email:.....

Tôi/Chúng tôi cam đoan 02 bản sao tác phẩm đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả giống với bản sao tác phẩm đã được đóng dấu, ghi số Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả; cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Tác giả/Chủ sở hữu quyền tác giả (*)

(họ và tên, ký, chức danh, đóng dấu
nếu là tổ chức)

() Trường hợp đăng ký cho tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả thì tác giả là người ký tên trên Tờ khai.*

Trường hợp đăng ký cho chủ sở hữu quyền tác giả thì chủ sở hữu quyền tác giả hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu quyền tác giả là người ký tên và đóng dấu (trong trường hợp là tổ chức) trên Tờ khai.

Trường hợp tác phẩm có đồng tác giả/đồng chủ sở hữu quyền tác giả thì phải có chữ ký của tất cả các đồng tác giả/đồng chủ sở hữu quyền tác giả. Tờ khai có thể do một trong số các đồng tác giả/đồng chủ sở hữu quyền tác giả ký tên nếu có văn bản ủy quyền của các đồng tác giả/đồng chủ sở hữu quyền tác giả còn lại theo quy định của pháp luật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN LIÊN QUAN

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Thông tin cấp lại

Số Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan đã cấp:.....

Cấp ngày.....tháng.....năm.....

Tên cuộc biểu diễn/Bản ghi âm, ghi hình/Chương trình phát sóng:.....

Loại hình:.....

Chủ sở hữu quyền liên quan:.....

Số Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu *(hoặc Số đăng ký doanh nghiệp/Quyết định/Giấy phép thành lập nếu là tổ chức)*:.....

Lý do cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan:

☐ Rách, hư hỏng Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan

☐ Mất Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan

2. Bên được ủy quyền nộp hồ sơ (nếu có):

Họ và tên/Tên tổ chức:.....

Sinh ngày:.....tháng.....năm.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu *(hoặc Số đăng ký doanh nghiệp/Quyết định/Giấy phép thành lập nếu là tổ chức)*:.....

Ngày cấp:.....tại:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Email:.....

Tôi/Chúng tôi cam đoan 02 bản sao bản định hình cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan giống với bản sao bản định hình cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đã được đóng dấu, ghi số Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan; cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....ngày.....tháng.....năm.....

Chủ sở hữu quyền liên quan (*)

(họ và tên, ký, chức danh, đóng dấu nếu là
tổ chức)

() Trường hợp có đồng chủ sở hữu quyền liên quan thì phải có chữ ký của tất cả các đồng chủ sở hữu quyền liên quan. Tờ khai có thể do một trong số các đồng chủ sở hữu quyền liên quan ký tên nêu có văn bản ủy quyền của các đồng chủ sở hữu quyền liên quan còn lại theo quy định của pháp luật.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Thông tin cấp đổi

a) Thông tin Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đã cấp

Số Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đã cấp:.....

Cấp ngày.....tháng.....năm.....

Tên tác phẩm:.....

Loại hình:.....

Tác giả:.....Quốc tịch:.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu:.....

Chủ sở hữu quyền tác giả:..... Quốc tịch.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (*hoặc Số đăng ký doanh nghiệp/Quyết định/Giấy phép thành lập nếu là tổ chức*):.....

b) Lý do cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả:

☐ **Chuyển đổi chủ sở hữu quyền tác giả**

Chủ sở hữu quyền tác giả mới là (1):

☐ **Cá nhân**

Họ và tên:.....Quốc tịch.....

Sinh ngày:.....tháng.....năm.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp:.....tại:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Email:.....

☐ Tổ chức

Tên tổ chức:.....

Số đăng ký doanh nghiệp/Quyết định/Giấy phép thành lập:.....

.....

Ngày cấp:.....tại:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Email:.....

Cơ sở phát sinh sở hữu quyền:☐ Theo hợp đồng chuyển nhượng☐ Theo thừa kế☐ Khác, nêu rõ:.....☐ Thay đổi tên tác phẩm

Tên tác phẩm mới:.....

☐ Thay đổi thông tin về tác giả

Họ và tên:..... Quốc tịch:.....

Bút danh thể hiện trên tác phẩm (nếu có):.....

Sinh ngày:.....tháng.....năm.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước của công dân/Hộ chiếu:.....

.....

Ngày cấp:.....tại:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Email:.....

☐ Thay đổi thông tin về chủ sở hữu quyền tác giả☐ Cá nhân

Họ và tên:.....Quốc tịch:.....

Sinh ngày:.....tháng.....năm.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu:

.....

Ngày cấp:.....tại:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Email:.....

☐ Tổ chức

Tên tổ chức:.....

Số đăng ký doanh nghiệp/Quyết định/Giấy phép thành lập:.....

.....

Ngày cấp:.....tại:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Email:.....

2. Bên được ủy quyền nộp hồ sơ đăng ký (nếu có):

Họ và tên/Tên tổ chức:.....

Sinh ngày:.....tháng.....năm.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (*hoặc Số đăng ký doanh nghiệp/Quyết định/Giấy phép thành lập nếu là tổ chức*):.....

Ngày cấp:.....tại:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Email:.....

Tôi/Chúng tôi cam đoan 02 bản sao tác phẩm đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả giống với bản sao tác phẩm đã được đóng dấu, ghi số Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả; cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Tác giả/Chủ sở hữu quyền tác giả **(2)**

(*họ và tên, ký, chức danh, đóng dấu
nếu là tổ chức*)

Hướng dẫn:

(1) Khai đầy đủ các đồng chủ sở hữu quyền tác giả, nếu có.

(2) Trường hợp đăng ký cho tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả thì tác giả là người ký tên trên Tờ khai.

Trường hợp đăng ký cho chủ sở hữu quyền tác giả thì chủ sở hữu quyền tác giả hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu quyền tác giả là người ký tên và đóng dấu (trong trường hợp là tổ chức) trên Tờ khai.

Trường hợp tác phẩm có đồng tác giả/đồng chủ sở hữu quyền tác giả thì phải có chữ ký của tất cả các đồng tác giả/đồng chủ sở hữu quyền tác giả. Tờ khai có thể do một trong số các đồng tác giả/đồng chủ sở hữu quyền tác giả ký tên nếu có văn bản ủy quyền của các đồng tác giả/đồng chủ sở hữu quyền tác giả còn lại theo quy định của pháp luật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN LIÊN QUAN

Kính gửi: Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Thông tin cấp đổi

a) Thông tin Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan đã cấp

Số Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan đã cấp:.....

Cấp ngày.....tháng.....năm.....

Tên cuộc biểu diễn/Bản ghi âm, ghi hình/Chương trình phát sóng:.....

Loại hình:.....

Chủ sở hữu quyền liên quan:.....

Số Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu *(hoặc Số đăng ký doanh nghiệp/Quyết định/Giấy phép thành lập nếu là tổ chức)*:.....

b) Lý do cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan:

☐ **Chuyển đổi chủ sở hữu quyền liên quan**

Chủ sở hữu quyền liên quan mới là (1):

☐ **Cá nhân**

Họ và tên:.....Quốc tịch:.....

Sinh ngày:.....tháng.....năm.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp:.....tại:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Email:.....

☐ **Tổ chức**

Tên tổ chức:.....

Số đăng ký doanh nghiệp/Quyết định/Giấy phép thành lập:.....

Ngày cấp:.....tại:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Email:.....

Cơ sở phát sinh sở hữu quyền:

☐ Theo hợp đồng chuyển nhượng

☐ Theo thừa kế

☐ Khác, nêu rõ:.....

☐ **Thay đổi tên cuộc biểu diễn/ bản ghi âm, ghi hình/ chương trình phát sóng**

Tên cuộc biểu diễn/ bản ghi âm, ghi hình/ chương trình phát sóng mới:.....

☐ **Thay đổi thông tin về chủ sở hữu quyền liên quan**

☐ Cá nhân

Họ và tên:.....Quốc tịch:.....

Sinh ngày:.....tháng.....năm.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu:
.....

Ngày cấp:.....tại:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Email:.....

☐ Tổ chức

Tên tổ chức:.....

Số đăng ký doanh nghiệp/Quyết định/Giấy phép thành lập:.....

Ngày cấp:.....tại:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Email:.....

2. Bên được ủy quyền nộp hồ sơ (nếu có):

Họ và tên/Tên tổ chức:.....

Sinh ngày:.....tháng.....năm.....

Số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (hoặc Số đăng ký doanh nghiệp/Quyết định/Giấy phép thành lập nếu là tổ chức):.....

Ngày cấp:.....tại:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Email:.....

Tôi/Chúng tôi cam đoan 02 bản sao bản định hình cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan giống với bản sao bản định hình cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đã được đóng dấu, ghi số Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan; cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....,ngày.....tháng.....năm.....

Chủ sở hữu quyền liên quan (2)
(họ và tên, ký, chức danh, đóng dấu nếu là tổ chức)

Hướng dẫn:

(1) Khai đầy đủ các đồng chủ sở hữu quyền liên quan, nếu có.

(2) Trường hợp có đồng chủ sở hữu quyền liên quan thì phải có chữ ký của tất cả các đồng chủ sở hữu quyền liên quan. Tờ khai có thể do một trong số các đồng chủ sở hữu quyền liên quan ký tên nếu có văn bản ủy quyền của các đồng chủ sở hữu quyền liên quan còn lại theo quy định của pháp luật.